TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT Ngày 27-12-2023 *V/v: "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái***: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án sơ thẩm số: 111/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 02/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H

Địa chỉ: Thôn CT, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M

Địa chỉ: Thôn CT, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Văn A

Địa chỉ: Xóm PV, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Nghệ An (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/12/2023); có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị X

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Ông Hoàng Văn K (theo giấy ủy quyền ngày 26/5/2023).

Cùng địa chỉ: Tổ 7, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; ông K, bà X đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị X: Ông Trần Đại L - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH ANVI, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 406, Tòa nhà Savina, số 01 phố Đinh Lễ, phường TT, quận HK, Thành phố Hà Nội; có mặt.

3.2. Chị Hoàng Thị N

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Đỗ Xuân T.

Địa chỉ: Thôn CQ, xã HT, huyện KC, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Kiều B - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái.

- Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Quang E - Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái (theo giấy ủy quyền số 114A/GUQ/NHNo.LY-TH ngày 23/6/2023); ông Tuấn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Phạm Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M được ly hôn theo Quyết định số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2023 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái. Ngày 17/4/2023, chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản, giải quyết về nợ chung sau khi ly hôn. Chị H xác định tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích 101m^2 (sau khi thẩm định là 101,5m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01686 ngày

31/7/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xây cấp 4 trên đất.

+ Thửa đất số 81, 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446, 445 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích mỗi thửa là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), đã được UBND huyện LY cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01687, H01688 ngày 31/12/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xưởng trên đất, có tổng diện tích tích 248,3m^2 (trong đó 102,1m^2 trên thửa đất số 446, có 82,5m^2 trên thửa đất số 445 và 63,7m^2 thuộc hành làng giao thông).

Sau khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị H hoàn toàn đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản. Chị H đề nghị được sử dụng thửa đất số 446 và thửa đất số 445 tờ Bản đồ số 19 (mỗi thửa đất có giá trị là 510.500.000 đồng) và 01 nhà xưởng trên đất (có giá trị là 225.117.000 đồng) tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; để anh M sử dụng thửa đất số 447 tờ Bản đồ số 19 (có giá trị là 507.500.000 đồng) có 01 nhà xây cấp 4 cùng các tài sản khác trên đất (có giá trị là 209.699.000 đồng) tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh M 264.459.000 đồng.

Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh M có các khoản nợ chung như sau: Nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 280.00.000 đồng và tiền lãi; nợ ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị X số tiền là 2.879.915.000 đồng và tiền lãi; nợ chị Hoàng Thị N số tiền 200.000.000 đồng; nợ ông Đỗ Xuân T số tiền 300.000.000 đồng. Chị H yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ, cụ thể:

- Đối với số tiền nợ ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X là 3.962.763.000 đồng (nợ gốc là 2.879.915.000 đồng và nợ lãi là 1.082.848.000 đồng) chị H và anh M mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 1.981.381.500 đồng.

- Đối với số tiền nợ chị Hoàng Thị N là 200.000.000 đồng, chị H và anh M mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 100.000.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ ông Đỗ Xuân T là 300.000.000 đồng, chị H và anh M mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 150.000.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ chị Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn là 280.000.000 đồng và tiền lãi, chị H đề nghị anh M sẽ là người thanh toán số nợ tiền cho ngân hàng và chị sẽ thanh toán cho anh M ½ số tiền nợ.

Bị đơn anh Phạm Văn M trình bày:

Về tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích 101m^2 (sau khi thẩm định là 101,5m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01686 ngày

31/7/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xây cấp 4 trên đất.

+ Thửa đất số 81, 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446, 445 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích mỗi thửa là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), đã được UBND huyện LY cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01687, H01688 ngày 31/12/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xưởng trên đất, có tổng diện tích tích 248,3m^2 (trong đó 102,1m^2 trên thửa đất số 446, có 82,5m^2 trên thửa đất số 445 và 63,7m^2 thuộc hành làng giao thông).

Sau khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, anh M hoàn toàn đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và giá tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản nhưng không đồng ý với giá trị các thửa đất, anh M xác định mỗi thửa đất có giá trị là 1.000.000.000 đồng.

Anh M đề nghị được sử dụng thửa đất số 447 tờ Bản đồ số 19 (có giá trị là 1.000.000.000 đồng) có 01 nhà xây cấp 4 cùng các tài sản khác trên đất (có giá trị là 209.699.000 đồng) tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái, tổng giá trị là 1.209.699.000 đồng và đồng ý để chị H được sử dụng các thửa đất số 445, 446 tờ Bản đồ số 19 (mỗi thửa đất có trị giá là 1.000.000.000 đồng) và 01 nhà xưởng trên đất (trị giá là 255.117.000 đồng) tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Tổng giá trị là 1.209.699.000 đồng. Chị H phải trả cho anh tiền chênh lệch giá trị tài sản là 507.709.000 đồng (*Tại phiên tòa sơ thẩm anh M đề nghị được sử dụng 2 thửa đất có nhà xưởng; để cho chị H sử dụng thửa đất có nhà cấp 4).*

Về nợ chung:

Anh M và chị H có các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái số tiền 280.000.000 đồng và tiền lãi; nợ ông Đỗ Xuân T số tiền là 300.000.000 đồng. Anh M đề nghị anh và chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ chung, cụ thể:

+ Đối với số tiền nợ Ngân hàng Agribank - chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái số tiền 280.000.000 đồng và tiền lãi thì anh nhận có nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng và yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh ½ số tiền nợ gốc và nợ lãi phải thanh toán cho ngân hàng. Đối với số tiền nợ ông Đỗ Xuân T là 300.000.000 đồng, anh và chị H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 150.000.000 đồng.

+ Đối với số tiền nợ của ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X; chị Hoàng Thị N. Anh M thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân anh M và chị H có vay của ông K, bà X số tiền là 2.879.915.000 đồng; vay của chị N tổng số tiền là 200.000.000 đồng và có viết giấy nhận số tiền nợ trên như các đương sự cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, anh M và chị H đã trả hết số tiền nợ cho ông K, bà X và chị N nhưng do tại thời điểm đó anh và chị H chưa ly hôn vẫn còn mối

quan hệ là người trong gia đình nên khi trả tiền không lập văn bản xác nhận. Anh M không công nhận các khoản nợ trên là nợ chung.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị X*: Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh M có vay của vợ chồng ông bà số tiền là 2.879.915.000 đồng. Đến ngày 14/9/2019, anh M và chị H có viết giấy xác nhận số tiền nợ và thỏa thuận trả tiền lãi hàng tháng theo lãi suất là 0,8%/1 tháng. Tuy nhiên từ đó đến nay anh M và chị H chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi như đã thỏa thuận. Ông K xác định số tiền anh M và chị H nợ là 3.962.763.000 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 2.879.915.000 đồng; tiền nợ lãi chỉ tính từ ngày 14/9/2019 đến 14/8/2023 (47 tháng) theo lãi suất 0,8%/1 tháng là 1.082.848.000 đồng); yêu cầu anh M và chị H mỗi người phải trả ½ số tiền nợ là 1.981.381.500 đồng.

- *Chị Hoàng Thị N:* Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh M có vay của chị N tổng số tiền là 200.000.000 đồng, cụ thể vay tiền hai lần, mỗi lần vay 100.000.000 đồng. Để xác nhận việc vay tiền anh M và chị H có viết giấy biên nhận vay tiền mặt đề ngày 10/10/2018 và ngày 04/12/2018. Các bên không thống nhất thời hạn trả nợ cụ thể mà chỉ thỏa thuận khi nào chị có yêu cầu thì anh M và chị H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ. Kể từ khi vay tiền, anh M và chị H chưa trả được khoản tiền nào. Chị N yêu cầu anh M và chị H phải trả tổng số tiền đã vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

- *Ông Đỗ Xuân T*: Qua ông Hoàng Văn K nên ông có quen biết anh Phạm Văn M và chị Hoàng Thị H (là con rể và con gái của ông K). Năm 2018, ông K có hỏi vay hộ anh M và chị H số tiền là 300.000.000 đồng, ông T đã đồng ý cho anh M, chị H vay số tiền là 300.000.000 đồng. Anh M là người trực tiếp nhận số tiền vay 300.000.00 đồng và thỏa thuận tiền lãi là 1%/1tháng. Anh M và chị H vẫn trả lãi đúng hẹn hàng tháng cho đến hết năm 2022. Do anh M và chị H hiện đã ly hôn nên các bên đã lập giấy xác nhận nợ ngày 26/4/2023 để xác định nghĩa vụ trả tiền. Nay ông T yêu cầu anh Phạm Văn M và chị Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng, không tính tiền lãi, cụ thể yêu cầu anh M và chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 150.000.000 đồng.

- *Ông Phạm Quang E:* Ngày 22/9/2020, anh Phạm Văn M đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 8707LAV202002322 với Ngân hàng Agribank để vay số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh Phạm Văn M và chị Hoàng Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 06/HĐTC ngày 22/9/2020, các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19 (thửa đất số 80, tờ Bản đồ số 00 cũ), diện tích 101m^2 tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền vay cho anh M.

Hiện tại anh M còn nợ số tiền gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/9/2023 là 1.933.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn với anh M, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái đề nghị anh M phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền là 281.933.000 đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng; tiền nợ lãi tính đến ngày 21/9/2023 là 1.933.000 đồng).

Kể từ ngày 22/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 8707LAY202002322 ngày 22/9/2020. Nếu anh M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19 tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xây cấp 4, các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả phần tài sản xây dựng gắn liền với kết cấu nhà trong phần đất thuộc hành lang giao thông). Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh M vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

Tại Bản án sơ thẩm số 111/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Áp dụng các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37, 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H:

1.1. Về chia tài sản chung:

- Chị Hoàng Thị H được quyền sử dụng các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 445 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01688 ngày 31/12/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; trị giá 510.500.000 đồng.

+ Thửa đất số 81 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01687 ngày 31/12/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái trị giá 510.500.000 đồng.

+ 01 nhà xưởng khung sắt, mái tôn, vách tôn, tường xây xung quanh có tổng diện tích 248,3m^2, trong đó: Có 102,1m^2 trên thửa đất số số 81 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446 tờ Bản đồ số 19); có 82,5m^2 trên thửa đất số 82 tờ

Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 445 tờ Bản đồ số 19) và có 63,7m^2 thuộc hành lang giao thông, trị giá 225.117.000 đồng.

Tổng tài sản chị H được nhận là 1.246.117.000 đồng. Chị H phải trích chia chênh lệch tài sản cho anh M là 264.459.000 đồng.

- Anh Phạm Văn M được quyền sử dụng các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích 101m^2 (sau khi thẩm định là 101,5m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01686 ngày 31/7/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái trị giá 507.500.000 đồng.

+ Các tài sản gắn liền với thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19): 01 nhà xây trên đất diện tích 44,2m^2; 01 bếp diện tích 7,7m^2; nhà tắm và nhà vệ sinh 4,3m^2; 01 gác xếp khung kim loại sàn gỗ diện tích 50,29m^2 bên trên có 01 phòng vách tôn; 01 téc nước 1000lit; tường gạch ba vanh phía sau nhà; 01 sân bán mái trước nhà diện tích 32,9m^2 có cửa tôn, tường xây, nền láng xi măng, lợp mái tôn là nằm trong hành lang giao thông; trị giá: 209.699.000 đồng.

Anh M được nhận trích chia chênh lệch tài sản từ chị H là 264.459.000 đồng.

(Vị trí các thửa đất trên có sơ đồ kèm theo bản án).

1.2. Về chia nợ chung:

- Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Xuân T số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X số tiền là: 1.981.381.500 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi mốt triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị N số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Anh Phạm Văn M phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền là: 281.933.000 đồng (Hai trăm tám mươi mốt triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng); tiền nợ lãi tính đến ngày 21/9/2023 là 1.933.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 22/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 8707LAV202002322 ngày 22/9/2020.

Nếu anh Phạm Văn M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19 tại

thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và các tài sản gắn liền với đất (có sơ đồ kèm theo). Trường hợp nếu tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh M vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Chị Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh M số tiền là 140.966.500 đồng (Một trăm bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 28/9/2023, anh Phạm Văn M có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị: Được quyền sử dụng các thửa đất số 81, 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446, 445 tờ Bản đồ số 19), đất ở nông thôn, diện tích mỗi thửa là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xưởng trên đất. Chị Hoàng Thị H được quyền sử dụng Thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19), đất ở nông thôn, diện tích 101m^2 (sau khi thẩm định là 101,5m^2), địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái và 01 nhà xây cấp 4 trên đất; chia đôi số tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân là số tiền 4.915.740.121 đồng; chia đôi số tiền nợ đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái là 280.736.438 đồng (tạm tính đến ngày 09/8/2023), anh M và chị H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 140.368.000 đồng; không công nhận các khoản nợ ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X và chị Hoàng Thị N là nợ chung.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm: Ngày 11/12/2023, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái xác nhận anh Phạm Văn M và chị Hoàng Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 8707LAV202002322 ngày 22/9/2020. Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với nghĩa vụ trả nợ của anh M, chị H trong vụ án này.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn M rút một phần nội dung kháng cáo về việc đề nghị chia đôi số tiền nợ đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái là 280.736.438 đồng (tạm tính đến ngày 09/8/2023), anh M và chị H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 140.368.000 đồng. Còn các nội dung kháng cáo khác giữ nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị X: Không đồng ý với nội dung kháng cáo về việc không công nhận khoản nợ ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X là khoản nợ chung của anh Phạm Văn M. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 111/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn M. Đình chỉ đối với yêu cầu chia đôi công nợ của Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện LY đối với số tiền 281.933.000 đồng do anh Phạm Văn M rút một phần kháng cáo tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 111/2023/HNGĐ-ST ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái. Anh Phạm Văn M phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Phạm Văn M có quan hệ hôn nhân và đã ly hôn theo Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc chia tài sản, giải quyết về nợ chung sau khi ly hôn giữa chị H và anh Phạm Văn M là đúng thẩm quyền. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là chia tài sản sau khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn M đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

Chị Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X, chị Hoàng Thị N, ông Đỗ Xuân T, ông Phạm Quang E vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn M vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với nội dung kháng cáo của anh Phạm Văn M đề nghị chia đôi số tiền nợ đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái là 280.736.438 đồng (tạm tính đến ngày 09/8/2023), anh M và chị H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 140.368.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 11/12/2023, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái xác nhận anh Phạm Văn M và chị Hoàng Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 8707LAV202002322 ngày 22/9/2020. Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với nghĩa vụ trả nợ của anh M, chị H trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh M đã rút một phần nội dung kháng cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo này.

[3] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn M, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về tài sản chung:

- Đối với yêu cầu của anh Phạm Văn M đề nghị được quyền sử dụng các thửa đất số 81, 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446, 445 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích mỗi thửa là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 01 nhà xưởng, Hội đồng xét xử thấy:

Hiện nay anh Phạm Văn M làm nghề lái xe tải vận chuyển hàng hóa, cần sử dụng nhà xưởng làm nơi để xe ôtô và bảo quản hàng hóa nên để đảm bảo hoạt động kinh doanh và tạo điều kiện cho việc tiếp tục lao động tạo thu nhập của anh M cần giao cho anh M được quyền sử dụng các thửa đất số 81, 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446, 445 tờ Bản đồ số 19) và quyền sở hữu 01 nhà xưởng trên đất là phù hợp (tổng giá trị tài sản là 1.246.117.000 đồng). Anh M phải có nghĩa vụ trả cho chị H giá trị chênh lệch tài sản là 264.459.000 đồng. Mặt khác, hiện nay chị H làm nghề thu mua phế liệu tại địa phương và làm cùng bố đẻ là ông Hoàng Văn K tại thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; đồng thời từ khi ly hôn chị H vẫn đang trực tiếp ở, sử dụng ngôi nhà cấp 4, nên cần giao cho chị H sử dụng thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447 tờ Bản đồ số 19) có tài sản gắn liền với đất là nhà ở và các tài sản, công trình phụ trợ khác để đảm bảo cho chị H có nhà ở, ổn định cuộc sống, đồng thời cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp các bên đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự. Nên cần chấp nhận kháng cáo của anh M về nội dung này.

Về giá trị tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định, định giá các thửa đất và tài sản trên đất là tài sản chung của chị H và anh M. Việc xem xét, thẩm định và định giá tài sản được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 101 và Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với diện tích đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ lớn hơn so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 445, 446, 447 tờ Bản đồ số 19 được xác định là sai số tại các thời điểm đo đạc, quá trình sử dụng đất anh M, chị H sử dụng ổn định lâu dài và cũng không có tranh chấp với ai nên được quyền sử dụng.

-Đối với yêu cầu chia tài sản chung số tiền 4.915.740.121 đồng được chuyển vào các tài khoản ngân hàng của chị Hoàng Thị H trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy, đây là yêu cầu phản tố của anh M, không nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, anh M đưa ra yêu cầu phản tố sau thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý và giải quyết yêu cầu của anh M trong vụ án này và dành quyền khởi kiện cho

các đương sự để được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về nợ chung:

- Đối với số tiền nợ ông Hoàng Văn K và bà Phạm Thị X là 3.962.763.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 2.879.915.000 đồng; tiền nợ lãi tình từ ngày 14/9/2019 đến 14/8/2023 theo lãi suất 0,8%/1 tháng là 1.082.848.000 đồng.

Anh M không thừa nhận nợ số tiền như đã nêu trên, người đại diện theo ủy quyền của anh M cho rằng giữa ông K, bà X và anh M, chị H chưa có giao dịch thực tế về vay tài sản, văn bản đề ngày 14/9/2019 chỉ thể hiện nội dung nhờ vay tiền hộ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh M đã thừa nhận anh M và chị H có nợ ông K bà X số tiền là: 2.879.915.000 đồng và có ký văn bản đề ngày 14/9/2019 xác nhận số tiền nợ. Văn bản đề ngày 14/9/2019 tuy có nội dung anh M, chị H nhờ ông K, bà X vay hộ số tiền là 2.879.915.000 đồng, nhưng không thể hiện nghĩa vụ của bên vay là chị H, anh M với bên thứ ba mà nghĩa vụ của bên vay được giao kết thực hiện trực tiếp với ông K, bà X. Anh M, chị H đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký văn bản đề ngày 14/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Việc anh M cho rằng đã trả hết số tiền nợ cho ông K, bà X nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ đó có đủ cơ sở xác định chị H và anh M có sự giao kết về vay tài sản với ông K, bà X là số tiền 2.879.915.000 đồng. Ông K yêu cầu tính tiền lãi số tiền 2.879.915.000 đồng từ ngày 14/9/2019 đến ngày 14/8/2023 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận là 0,8%/1 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định số tiền 3.962.763.000 nợ ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X là nợ chung của chị H và anh M trong thời kỳ hôn nhân nên chị H và anh M mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 1.981.381.500 đồng cho ông K, bà X là có căn cứ.

- Đối với tổng số tiền 200.000.000 đồng vay của chị Hoàng Thị N được thể hiện tại giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 10/10/2018 và ngày 04/12/2018. Xét thấy giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 10/10/2018 và ngày 04/12/2018 là một hình thức của hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đúng trình tự và đảm bảo về mặt hình thức nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh M mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ cho chị N là 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh M cho rằng đã trả hết số tiền nợ cho chị N nhưng không có căn cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ liên đới của chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M đối với khoản nợ chung là chưa phù hợp quy định các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần sửa lại cho đúng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định do phần tài sản chị H và Mạnh được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba không còn nên căn cứ điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị H và anh M không phải chịu án phí chia tài sản chung là phù hợp; tuy nhiên về phần án phí đối với khoản nợ chung, Tòa án cấp sơ thẩm tính trên tổng số nợ chung rồi chia đôi án phí cho anh M và chị H là chưa phù hợp quy định pháp luật, cần sửa phần án phí về nợ chung theo hướng anh M, chị H phải chịu án phí đối với khoản nợ mà từng người phải chịu.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Văn M; sửa Bản án sơ thẩm số 111/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái.

[6] Không chấp nhận đề nghị về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Về án phí: Do sửa Bản án sơ thẩm nên anh Phạm Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của anh Phạm Văn M về đề nghị chia đôi số tiền nợ đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện LY Bắc Yên Bái là 280.736.438 đồng (tạm tính đến ngày 09/8/2023), anh M và chị H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 140.368.000 đồng.

[2] Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Văn M; sửa Bản án sơ thẩm số 111/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái:

Áp dụng các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37, 59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về chia tài sản chung:

- Anh Phạm Văn M được quyền sử dụng các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 445 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01688 ngày 31/12/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; trị giá 510.500.000 đồng.

+ Thửa đất số 81 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446 tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích là 101m^2 (sau khi thẩm định là 102,1m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01687 ngày 31/12/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; trị giá 510.500.000 đồng.

+ 01 nhà xưởng khung sắt, mái tôn, vách tôn, tường xây xung quanh có tổng diện tích 248,3m^2, trong đó: có 102,1m^2 trên thửa đất số 81 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 446 tờ Bản đồ số 19); có 82,5m^2 trên thửa đất số 82 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 445 tờ Bản đồ số 19) và có 63,7m^2 thuộc hành lang giao thông; trị giá 225.117.000 đồng.

Tổng tài sản anh Phạm Văn M được nhận là 1.246.117.000 đồng. Anh Phạm Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị H số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 264.459.000 đồng.

- Chị Hoàng Thị H được quyền sử dụng các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19); đất ở nông thôn diện tích 101m^2 (sau khi thẩm định là 101,5m^2), đã được UBND huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01686 ngày 31/7/2007 mang tên bà Hoàng Thị H và ông Phạm Văn M, địa chỉ thửa đất tại thôn NN, xã LĐ, huyện LY, tỉnh Yên Bái; trị giá 507.500.000 đồng.

+ Các tài sản gắn liền với thửa đất số 80 tờ Bản đồ số 00 (nay là thửa đất số 447, tờ Bản đồ số 19): 01 nhà xây trên đất diện tích 44,2m^2; 01 bếp diện tích 7,7m^2; nhà tắm và nhà vệ sinh 4,3m^2; 01 gác xếp khung kim loại sàn gỗ diện tích 50,29m^2 bên trên có 01 phòng vách tôn; 01 téc nước 1000lit; tường gạch ba vanh phía sau nhà; 01 sân bán mái trước nhà diện tích 32,9m^2 có cửa tôn, tường xây, nền láng xi măng, lợp mái tôn là nằm trong hành lang giao thông; trị giá: 209.699.000 đồng.

Chị Hoàng Thị H được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản từ anh Phạm Văn M là 264.459.000 đồng.

(Vị trí các thửa đất trên có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

2. Về chia nợ chung:

+ Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Xuân T 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trong đó anh M, chị H, mỗi người có phần nghĩa vụ là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

+ Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng Văn K, bà Phạm Thị X là 3.962.763.000 đồng (ba tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng), trong đó anh M, chị H, mỗi người có phần nghĩa vụ là 1.981.381.500 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

+ Chị Hoàng Thị H và anh Phạm Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hoàng Thị N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), trong đó anh M, chị H, mỗi người có phần nghĩa vụ là 100.000.000 đồng *(*một trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Anh Phạm Văn M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 76.627.630 đồng (bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi bẩy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí sơ thẩm là 76.627.630 đồng (bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi bẩy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 43.050.000 đồng (bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0003518 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY. Chị H còn phải nộp tiền án phí là 33.577.630 đồng (ba mươi ba triệu, năm trăm bẩy mươi bẩy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Phạm Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0001095 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY, tỉnh Yên Bái.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT3 - TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện LY;
- Chi cục THADS huyện LY;
- Các đương sự (người đại diện);
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân